TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Phương
2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 661/2022/TLST-HN ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phạm Hồng H, sinh năm 1980
Địa chỉ: 286H/8A Khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1974
Địa chỉ: Số 2, Đường số 6A, khu B, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2022 và bản tự khai nguyên đơn – bà Nguyễn Phạm Hồng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 04/8/1998. Trong thời gian chung sống ông bà có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp nhưng vì thương con nên bà đã cố gắng chung sống để lo cho con. Bà đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng để tạo điều kiện cho ông T thay đổi cũng như để cho các con có một gia đình đầy đủ nên bà rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú Tr (nữ) sinh ngày 31/10/1999 và cháu Nguyễn Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày

15/4/2007. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Tr đã trưởng thành nên cháu muốn sống với cha hay mẹ thì tùy theo nguyện vọng của cháu. Bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Ông bà không có nợ chung.

Bị đơn - ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do ông T vắng mặt nên vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà H có đơn xin vắng mặt. Ông T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Phạm Hồng H và ông Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 04/8/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Phạm Hồng H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình T nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Phạm Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H:

Theo bà H trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa nên bà yêu cầu được ly hôn. Ông T dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để giải quyết vụ việc hôn nhân của ông với bà H nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, thái độ của ông T thể hiện ông không còn quan tâm, tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo bà H trình bày cũng như tài liệu chứng cứ thể hiện bà đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn vào đầu năm 2022 nhưng rút đơn để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà nộp đơn xin ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông T mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú Tr (nữ) sinh ngày 31/10/1999 và cháu Nguyễn Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày 15/4/2007. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến thời điểm xét xử cháu Tr đã trưởng thành; cháu T là con gái, đang trong độ tuổi phát triển cần có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ, đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên nên giao cháu T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông T không có nợ chung. Đồng thời do giải quyết vụ kiện vắng mặt ông T, không có ý kiến của ông T về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Phạm Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Giao chung tên Nguyễn Thị Ngọc T (nữ) sinh ngày 15/4/2007 cho bà Nguyễn Phạm Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà Nguyễn Phạm Hồng H không yêu cầu ông Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Phạm Hồng H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, cấn trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000329 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thì bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Nguyễn Phạm Hồng H và ông Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- UBND P. A, Q.N, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Mai